TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày 30-11-2021
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Lẫy

2. Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Tâm, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1943; địa chỉ: Tổ 45, Khu 9 phường L, quận K, thành phố H, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Hữu C; địa chỉ: Tổ Đống K, phường Đ, quận K, thành phố H, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị M; địa chỉ: Tổ Đống K, phường Đ, quận K, thành phố H, có mặt;

2. Bà Vũ Thị M; địa chỉ: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H, có mặt;

3. Chị Vũ Thị H; địa chỉ: Tổ Tr, phường Q, quận K, thành phố H, vắng mặt;

4. Anh Vũ Anh H; địa chỉ: Tổ Tr, phường Q, quận K, thành phố H, có mặt;

5. Chị Vũ Thị H; địa chỉ: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố , có mặt;

6. Chị Vũ Thị H; địa chỉ: Thôn 2, xã D, huyện K, thành phố H, vắng mặt;

7. Anh Vũ Anh H; địa chỉ: Tổ Trường Ch, phường Q, quận K, thành phố H, vắng mặt;

8. Anh Vũ Hữu Th; địa chỉ: Tổ Đồng L, phường Đồng H, quận K, thành phố H, vắng mặt;

9. Anh Vũ Hữu Th; địa chỉ: Nhà số 19/24/347 Đường Trần Nhân T, phường Nam , quận K, thành phố H, vắng mặt;

10. Anh Vũ Hữu T, địa chỉ: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H; vắng mặt;

11. Bà Trần Thị Nh, địa chỉ: Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H, vắng mặt;

12. Bà Nguyễn Thị , nhà số 729 Tr, K, H, có mặt;

13. Bà Bùi Thị L, nơi cư trú: Tổ Đ, phường Đ, quận K, H, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Vũ Thị L trình bày:

Bố mẹ của bà là cụ Vũ Hữu Y, sinh năm 1918 và cụ Phạm Thị L, sinh năm 1919. Các cụ sinh ra cụ Yến và cụ L đã chết từ lâu. Cụ Y và cụ L sinh được 06 người con là: Vũ Thị L, Vũ Anh Ch, chết năm 2009 (có vợ là Nguyễn Thị và 05 người con là Vũ Thị H, Vũ Thị H, Vũ Anh H, Vũ Thị H, Vũ Anh H), Vũ Thị M, Vũ Hữu Th, chết năm 2010 (có vợ là Bùi Thị L và 03 người con là Vũ Hữu Th, Vũ Hữu Th và Vũ Hữu Th), Vũ Thị M và Vũ Hữu Ch.

Quá trình chung sống cụ Y và cụ L có tạo dựng được 01 căn nhà cấp 4, được xây dựng từ năm 1976, đến nay đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng được xây dựng trên diện tích đất đo thực tế là 1078,9m^2 ở thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 tại Tổ Đồng L, phường Đ, quận K, thành phố H. Đối với cây cối trên đất, toàn bộ các cây là do bà mua, người trực tiếp trồng cây là ông Vũ Anh C.

Ngày 04/11/1993 cụ Vũ Hữu Y chết, khi chết không để lại di chúc; ngày 18/11/2005 cụ Phạm Thị L chết, khi chết không để lại di chúc. Sau khi các cụ chết, nhà đất vẫn được các thành viên trong gia đình sử dụng chung, tuy nhiên sau đó ông Vũ Hữu Ch là người chiếm giữ toàn bộ di sản thừa kế, tự ý xây dựng nhà 02 tầng trên đất mà không được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình. Do có tranh chấp trong việc quản lý, phân chia di sản thừa kế, ngày 05/11/2019 Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố H đã tiến hành hòa giải, tuy nhiên ông Ch không hợp tác do đó việc hòa giải không thành. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân quận K phân chia di sản thừa kế do cụ Y, cụ L để lại theo quy định của pháp luật. Về phương án chia di sản, bà có ý kiến như sau: Toàn bộ diện tích đất do bố mẹ bà để lại được phân chia làm 08 lô như sau: 01 lô có diện tích đất 115,72m^2 để sử dụng chung và làm nơi thờ cúng; 01 lô đất phân chia cho ông Vũ Hữu Ch, do ông Vũ Hữu Ch đã làm nhà trên phần đất của bố mẹ để lại do vậy bà đề nghị vẫn giữ nguyên phần diện tích đất mà vợ chồng ông Ch xây nhà ở, đảm bảo có ngõ đi với tổng diện tích là 178,20m^2 đất. 01 lô có diện tích 114,20m^2 đất dùng để làm ngõ đi chung; bà nhận 01 lô đất có diện tích là 88,95m^2; 01 lô đất phân chia cho bà

Nguyễn Thị B cùng các con ông Vũ Anh Ch (ông Ch là con trưởng, có có 05 người con là Vũ Thị H, Vũ Thị H, Vũ Anh H, Vũ Thị H, Vũ Anh H) với diện tích đất là 123,85m^2; 01 lô đất chia cho bà Vũ Thị M với diện tích đất 189,03m^2; 01 lô đất phân chia cho bà Vũ Thị M với diện tích đất 135,11m^2; 01 lô đất phân chia cho ông Vũ Hữu Th, do bà Bùi Thị L và các con ông Vũ Hữu Th hưởng(có 03 người con là Vũ Hữu Th, Vũ Hữu Th và Vũ Hữu Th) với diện tích 133,69m^2. Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên bà không yêu cầu định giá và phân chia, phần nhà đó vào đất của ai thì người đó hưởng; đối với phần cây cối trên đất, nếu cây nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng. Về phần vật kiến trúc ông Vũ Hữu Ch xây dựng trên phần đất của bố mẹ, bà đồng ý thanh toán cho gia đình ông Ch giá trị tài sản đó số tiền là 12.925.799đ (căn cứ theo Bảng định giá tài sản vật kiến trúc trên đất của Hội đồng định giá tài sản).

Chị Vũ Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị nhất trí với lời trình bày của bà Vũ Thị L về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ Vũ Hữu Y và cụ Phạm Thị L. Ngày 04/11/1993 cụ Vũ Hữu Y chết, khi chết không để lại di chúc; ngày 18/11/2005 cụ Phạm Thị L chết, khi chết không để lại di chúc. Sau khi các cụ chết, nhà đất vẫn được các thành viên trong gia đình sử dụng chung, tuy nhiên sau đó ông Vũ Hữu Ch là người chiếm giữ toàn bộ di sản thừa kế, tự ý xây dựng nhà 02 tầng trên đất mà không được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình. Do có tranh chấp nên gia đình đã đề nghị Ủy ban nhân dân phường Đ giải quyết ; Uỷ ban nhân dân phường Đ đã tiến hành hòa giải nhưng không thành do ông Vũ Hữu Ch không hợp tác. Nay chị đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế do cụ Vũ Hữu Y và cụ Phạm Thị L chết đi để lại.

Về phương án phân chia di sản thừa kế, chị đồng ý với ý kiến của bà Vũ Thị L đưa ra, chia toàn bộ thửa đất của cụ Y, cụ L để lại thành 08 lô. Chị cùng chị Vũ Thị H, anh Vũ Anh H, chị Vũ Thị H, anh Vũ Anh H và mẹ chị là bà Nguyễn Thị B đồng ý nhận diện tích 123,85m^2; để lại toàn bộ diện tích đất 115,72m^2 làm nơi thờ cúng và sử dụng chung; giao cho ông Ch phần đất mà ông Ch đã làm nhà ở diện tích 178,20m^2, đảm bảo có ngõ đi cho ông Ch; giao cho bà Vũ Thị L diện tích 88,95m^2; giao cho bà Vũ Thị M diện tích 189,03m^2; giao cho bà Vũ Thị M diện tích 135,11m^2; giao cho bà Bùi Thị L và các con ông Vũ Hữu Th diện tích 133,69m^2; để lại phần diện tích 114,20m^2 đất dùng để làm ngõ đi chung.

Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên chị không yêu cầu định giá và phân chia, phần nhà đó vào đất của ai thì người đó hưởng; đối với phần cây cối trên đất, nếu cây nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng.

Bà Vũ Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà nhất trí với lời trình bày của bà Vũ Thị L. Về phương án phân chia di sản thừa kế, bà đồng ý với ý kiến của bà Vũ Thị L đưa ra, chia toàn bộ thửa đất của cụ Y, cụ L để lại thành 08 lô. Bà đồng ý nhận diện tích 135,11m^2; để lại toàn bộ diện tích đất 115,72m^2 làm nơi thờ cúng; giao cho ông Ch phần đất mà ông Ch đã làm nhà ở diện tích 178,20m^2, đảm bảo có ngõ đi cho ông Ch; giao cho bà Vũ Thị L diện tích 88,95m^2; giao cho bà Vũ Thị M diện tích 189,03m^2; giao cho bà Nguyễn

Thị B và các con ông Vũ Anh Ch diện tích 123,85m^2; giao cho bà Bùi Thị L và các con ông Vũ Hữu Th diện tích 133,69m^2; để lại phần diện tích 114,20m^2 đất, dùng để làm ngõ đi chung. Đối với căn nhà cấp 4 đã cũng hỏng, không còn giá trị sử dụng bà không yêu cầu định giá và phân chia. Về các cây cối trên đất, các cây này đều do bà Vũ Thị L mua và do ông Vũ Anh Ch là người trồng cây, tuy nhiên không ai có ý kiến gì về giá trị các cây đã trồng, nếu nhà và cây nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng, không yêu cầu phân chia.

Bà Vũ Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà nhất trí với lời trình bày của bà Vũ Thị L. Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại.

Về phương án phân chia di sản thừa kế, bà đồng ý với ý kiến của bà Vũ Thị L đưa ra, chia toàn bộ thửa đất của cụ Y, cụ L để lại thành 08 lô. Bà nhận lô số 5, diện tích 189,03m^2; để lại toàn bộ diện tích đất 115,72m^2 làm nơi thờ cúng; giao cho ông Ch phần đất mà ông Ch đã làm nhà ở diện tích 178,20m^2 đảm bảo có ngõ đi cho ông Ch; giao cho bà Vũ Thị L diện tích 88,95m^2; giao cho bà Vũ Thị M diện tích 135,11m^2; giao cho bà Nguyễn Thị B và các con ông Vũ Anh Ch diện tích 123,85m^2; giao cho bà Bùi Thị L và các con ông Vũ Hữu Th diện tích 133,69m^2; để lại phần diện tích 114,20m^2 đất dùng để làm ngõ đi chung. Đối với căn nhà cấp 4 đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng, bà không yêu cầu định giá và phân chia. Về cây cối trong vườn, cây là do bà Vũ Thị L mua và ông Vũ Anh Ch là người trồng cây, tuy nhiên không ai có ý kiến định giá hay tranh chấp đối với các cây cối này, nếu nhà và cây nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng, không yêu cầu phân chia.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, H: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để xác minh, làm rõ: Tên của vợ ông Vũ Hữu Th là Bùi Thị L hay Bùi Thị L; tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B khai nguồn gốc đất của cụ Y, cụ L để lại là đất của tổ tiên để lại thì có giấy tờ, tài liệu gì không và đề nghị xác định giá trị tài sản căn nhà cấp 4 do cụ Y, cụ L quản lý sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Vũ Thị L có đơn khởi kiện ông Vũ Hữu Ch yêu cầu chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố H, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Vũ Hữu Ch là bị đơn. Ông Vũ Hữu Ch có địa chỉ cư trú tại Tổ Đống Kh, phường Đ, quận K, thành phố H. Đây là tranh chấp về

thừa kế tài sản do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố H theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Vũ Hữu Ch và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị H, chị Vũ Thị H, anh Vũ Anh H, anh Vũ Hữu Th, anhVũ Hữu Th, anh Vũ Hữu Th và bà Trần Thị Nh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên. Đối với bà Bùi Thị L, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Bùi Thị L.

[3] Về yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K: Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tên của vợ ông Vũ Hữu Th là Bùi Thị L hay Bùi Thị L; đề nghị xác định nguồn gốc đất của cụ Y, cụ L để lại là đất của tổ tiên để lại thì có giấy tờ gì không và đề nghị xác định giá trị tài sản căn nhà cấp 4 trước đây do cụ Y, cụ L quản lý sử dụng. Hội đồng xét xử đã quay lại phần hỏi và đã làm rõ: Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 29/11/2021 thể hiện tên họ của người làm đơn là Bùi Thị L. Tài liệu này phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị B, của chị Vũ Thị H, anh Vũ Anh H, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị M, bà Vũ Thị M. Như vậy, họ tên đầy đủ của vợ ông Vũ Hữu Th là bà Bùi Thị L; đối với nội dung bà Nguyễn Thị B khai diện tích đất do cụ Y, cụ L quản lý sử dụng là do tổ tiên để lại, bà B khai nhận chỉ nghe mọi người nói lại như thế mà không có bất cứ tài liệu, giấy tờ gì. Diện tích đất do cụ Y, cụ L để lại không có tranh chấp với bất kỳ ai, giấy tờ đều mang tên cụ Vũ Hữu Y, không có bất cứ giấy tờ, tài liệu nào khác thể hiện về nguồn gốc đất. Như vậy không có căn cứ cho rằng nguồn gốc đất nêu trên là do tổ tiên để lại như lời khai của bà Nguyễn Thị B; đối với căn nhà cấp 4 do cụ Y, cụ L để lại hiện đã hư hỏng, mục nát các đương sự có mặt tại phiên tòa đều khẳng định không còn giá trị sử dụng và thống nhất không xác định giá trị, phù hợp với tài liệu định giá tài sản và thông báo đã công khai chứng cứ gửi cho các bên đương sự. Các yêu cầu nêu trên của Kiểm sát viên đã được làm rõ tại phiên tòa, có đủ căn cứ để giải quyết vụ án, do vậy yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của Kiểm sát viên là không cần thiết, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[4] Về áp dụng pháp luật để giải quyết: Cụ Vũ Hữu Y, chết ngày 04/11/1993, cụ Phạm Thị L chết ngày 18/11/2005. Phần di sản của cụ Vũ Hữu Y để lại chưa chia, do vậy khi giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 1995 và các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[5] Về thời điểm mở thừa kế: Theo quy định tại Điều 636 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản do cụ Vũ Hữu Y để lại là ngày 04/11/1993, thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản do cụ Phạm Thị L để lại là ngày 18/11/2005.

[6] Về di chúc: Cụ Vũ Hữu Y và cụ Phạm Thị L chết không để lại di chúc, do vậy theo quy định tại Điều 677, Điều 678 Bộ luật Dân sự năm 1995, Tòa án nhân dân quận K giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L theo pháp luật.

[7] Về thời hiệu: Trong vụ án này, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Mặt khác, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản vẫn còn.

[8] Về hàng thừa kế: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Vũ Thị L, ông Vũ Anh Ch, ông Vũ Hữu Th, bà Vũ Thị M, bà Vũ Thị M và ông Vũ Hữu Ch. Do ông Vũ Anh Ch chết năm 2009 và ông Vũ Hữu Th chết năm 2010, do vậy bà Nguyễn Thị B và 05 người con của ông Vũ Anh Ch là Vũ Thị H, Vũ Thị H, Vũ Anh H, Vũ Thị H, Vũ Anh H được hưởng phần di sản thừa kế của ông Vũ Anh Ch; ông Vũ Hữu Th chết năm 2010 do đó bà Bùi Thị L và các con của ông Th là Vũ Hữu Th, Vũ Hữu Th và Vũ Hữu Th được hưởng phần thừa kế của ông Vũ Hữu Th.

[9] Về di sản thừa kế: Quá trình chung sống cụ Vũ Hữu Y và cụ Phạm Thị L có tạo dựng được 01 căn nhà cấp 4, được xây dựng tự năm 1976, đến nay đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng được xây dựng trên diện tích đất đo thực tế là 1078,9m^2 ở thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 tại Tổ Đồng L, phường Đ, quận K, thành phố H. Phần di sản này được các bên thừa nhận, phù hợp với biên bản xác minh nguồn gốc đất và các giấy tờ do Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố H quản lý. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định di sản thừa kế do cụ Y và cụ L để lại là quyền sử dụng diện tích 1078,9m^2 đất tại Tổ Đ, phường Đ, quận K, thành phố H.

[10] Về giá trị của di sản thừa kế: 01m^2 đất thuộc di sản thừa kế do các cụ Vũ Hữu Y và Phạm Thị L để lại qua định giá của Hội đồng định giá có giá chuyển nhượng là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng giá trị di sản thừa kế do các cụ Vũ Hữu Y, Phạm Thị L để lại theo Biên bản định giá ngày 30/3/2021 có tổng giá trị là 5.427.816.000đ (năm tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng).

[11] Về việc để lại diện tích đất làm ngõ đi chung: Về nguyên tắc, khi được phân chia đất thì phải có ngõ đi, đó là quyền của bất động sản liền kề. Nguyên đơn và một số đồng thừa kế đã xác định để lại phần diện tích 114,20m^2 đất, được đánh dấu là lô số 8 dùng để làm ngõ đi chung, yêu cầu này của nguyên đơn và một số đương sự là phù hợp với thực tiễn khi giải quyết các vụ án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất.

[12] Về phần di sản được sử dụng chung và sử dụng vào việc thờ cúng: Trước khi Tòa án mở phiên tòa, nguyên đơn và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thống nhất thỏa thuận để lại phần diện tích đất 115,72m^2 được

đánh dấu tại lô số 4 trong Bản vẽ để sử dụng chung và làm nơi thờ cúng. Đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, các đương sự khác biết nhưng không có ý kiến gì. Ý kiến này của các đương sự là phù hợp pháp luật, phù hợp với đạo đức, phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến nêu trên của các đương sự. Để lại phần diện tích 115,72m^2 đất trong số 1078,9m^2 để sử dụng chung và làm nơi thờ cúng.

[13] Về kỷ phần thừa kế: Theo quy định tại khoản 2 Điều 679 Bộ luật Dân sự năm 1995 thì những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau. Như vậy, nếu phân chia di sản thừa kế theo hiện vật thì mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 1078,9m^2 : 6 = 179,8m^2 đất. Tuy nhiên, kỷ phần này được xác định khi chưa trừ đi phần di sản để sử dụng vào mục đích sử dụng chung và làm nơi thờ cúng cũng như phần di sản để sử dụng làm ngõ đi chung. Như vậy, phần di sản thực tế được đem chia sẽ là 1078,9m^2 – 115,72m^2 – 114,20m^2 = 848,98m^2. Do đó kỷ phần thực tế mà người thừa kế được hưởng sẽ là 848,98m^2 : 6 = 141,50m^2 đất. Bị đơn trong vụ án cũng đã được các đồng thừa kế khác đồng ý chia cho phần đất có diện tích 178,0m^2, là phần đất nằm phía bên ngoài, gia đình ông Ch đã xây nhà kiên cố và đang quản lý sử dụng. Bà Vũ Thị L là nguyên đơn khi nhận phần diện tích đất bên ngoài cũng chỉ nhận 88,95m^2 ; bà Nguyễn Thị B là vợ ông Vũ Anh Ch (là con trưởng) cùng các con của bà B cũng chỉ nhận được phần diện tích đất là 123,85m^2. Các đồng thừa kế nhận phần đất phía sau đều lớn hơn nhiều phần diện tích đất ở phía ngoài. Như vậy có thể thấy không thể áp dụng chính xác kỷ phần thừa kế để phân chia di sản cho các đồng thừa kế mà cần áp dụng linh hoạt vừa đảm bảo yêu cầu đúng pháp luật, vừa đảm bảo sự công bằng giữa các đồng thừa kế đối với phần di sản mà họ được nhận đồng thời phải đảm bảo sự ổn định trong việc quản lý, sử dụng tài sản cũng như sự ổn định, giữ gìn tình cảm giữa các thành viên trong gia đình.

[14] Về yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn: Nguyên đơn là bà Vũ Thị L đề nghị Tòa án nhân dân quận Kiến An phân chia di sản thừa kế do cụ Y, cụ L để lại bằng hiện vật, theo hướng như sau: Toàn bộ diện tích đất do cụ Y, cụ L để lại được phân chia làm 08 lô như Bản vẽ hiện trạng từ lô số 1 đến lô số 8. Để lại toàn bộ diện tích đất 115,72m^2 được đánh dấu tại lô số 4 trong Bản vẽ để sử dụng chung và làm nơi thờ cúng; Do ông Vũ Hữu Ch đã làm nhà trên phần đất của bố mẹ để lại do vậy bà đề nghị vẫn giữ nguyên phần diện tích đất mà vợ chồng ông Ch đã xây nhà ở, đảm bảo có ngõ đi với tổng diện tích là 178,20m^2 đất, được đánh dấu là lô số 3 trong Bản vẽ hiện trạng (tương ứng với số tiền là 891.000.000đ). Để lại phần diện tích 114,20m^2 đất, được đánh dấu là lô số 8 dùng để làm ngõ đi chung; bà nhận phần diện tích đất là 88,95m^2 được đánh dấu là lô số 1 trong Bản vẽ hiện trạng (tương ứng với số tiền là 444.750.000đ); bà Nguyễn Thị và các con ông Vũ Anh Ch (ông Ch là con trưởng, có vợ là Nguyễn Thị B và 05 người con là Vũ Thị H, Vũ Thị H, Vũ Anh H, Vũ Thị H, Vũ Anh H) được chia phần đất là 123,85m^2 được đánh dấu là lô số 2 trong Bản vẽ hiện trạng (tương ứng với số tiền là 619.250.000đ); bà Vũ Thị M được phân chia diện tích đất 189,03m^2 được đánh dấu lô số 5 trong Bản vẽ hiện trạng(tương ứng với số tiền là 945.150.000đ); bà Vũ Thị M được phân chia diện tích đất 135,11m^2 được đánh dấu lô số 6 trong Bản vẽ hiện trạng (tương ứng với số tiền là 675.550.000đ); bà Bùi Thị L và các con ông

Vũ Hữu Th (có vợ là Bùi Thị L và 03 người con là Vũ Hữu Th, Vũ Hữu Th và Vũ Hữu Th) được phân chia phần diện tích 133,69m^2 được đánh dấu lô số 7 trong Bản vẽ hiện trạng (tương ứng với số tiền là 668.450.000đ). Đối với căn nhà cấp 4 do cụ Y, cụ L xây dựng từ năm 1976 đến nay đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng, các đương sự đều không yêu cầu định giá và phân chia mà nhà đó vào phần đất của ai được chia thì người đó hưởng; đối với cây trên đất, các đồng thừa kế đều xác nhận cây là do bà Vũ Thị L mua và do ông Vũ Anh Ch là người trồng, tuy nhiên các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu định giá và phân chia các cây cối trên đất mà đều thống nhất có ý kiến nếu cây nằm trên phần đất của ai thì người đó được hưởng. Về phần vật kiến trúc ông Vũ Hữu Ch xây dựng trên phần đất mà bố mẹ bà đề nghị được chia (lô số 1 trong Bản vẽ hiện trạng) cũng như nằm trên các phần đất khác, bà tự nguyện và đồng ý thanh toán cho gia đình ông Ch giá trị tài sản đó số tiền là 12.925.799đ (căn cứ theo Bảng định giá tài sản vật kiến trúc trên đất của Hội đồng định giá tài sản). Như vậy, theo đề nghị của nguyên đơn thì nguyên đơn được nhận phần diện tích đất thấp nhất là 88,95m^2, ông Vũ Hữu Ch là bị đơn nhận được phần diện tích đất là 178,20m^2, cao hơn kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng là 36,7m^2. Sau khi Tòa án công khai chứng cứ, các đương sự khác đều biết kết quả công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến gì, do đó Hội đồng xét xử thấy việc phân chia di sản thừa kế do nguyên đơn đưa ra là hợp lý, được các đương sự có mặt đồng ý xác nhận, phù hợp với thực tế vụ kiện nên được chấp nhận. Nguyên đơn là bà Vũ Thị L còn chấp nhận thanh toán cho vợ chồng ông Vũ Hữu Ch, bà Trần Thị Nh giá trị công trình xây dựng trên đất với tổng số tiền là 12.925.799đ, đây là ý kiến tự nguyện của phía nguyên đơn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ch, bà Nh nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1943 là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn tiền án phí do vậy Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Vũ Thị Loan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 636, 637, 638, 677, 678, 679, 688 Bộ luật Dân sự năm 1995; căn cứ Điều 623, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị L. Buộc ông Vũ Hữu Ch và vợ là Trần Thị Nh phải trả lại toàn bộ diện tích đất thuộc di sản thừa kế do cụ Vũ Hữu Y và cụ Phạm Thị L để lại với tổng diện tích đất đo thực tế là 1078,9m^2 (một nghìn không trăm bảy mươi tám phảy chín) tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 17 tại Tổ Đồng L, phường Đ, quận K, thành phố H (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

2. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

2.1. Để lại phần diện tích 114,20m^2 (một trăm mười bốn phảy hai) đất, được đánh dấu là lô số 8 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất để làm ngõ đi chung cho các đồng thừa kế;

2.2. Để lại diện tích đất 115,72m^2 (một trăm mười lăm phảy bảy mươi hai) được đánh dấu tại lô số 4 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất để sử dụng chung và làm nơi thờ cúng;

2.3. Ông Vũ Hữu Ch được hưởng phần thừa kế là 178,20m^2 (một trăm bảy mươi tám phảy hai) đất được đánh dấu là lô số 3 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất.

2.4. Bà Vũ Thị L được hưởng phần thừa kế là 88,95m^2 (tám mươi tám phảy chín mươi lăm) được đánh dấu là lô số 1 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất.

2.5. Bà Vũ Thị M được hưởng phần thừa kế là 189,03m^2 (một trăm tám mươi chín phảy không ba) được đánh dấu lô số 5 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất.

2.6. Ông Vũ Anh Ch được hưởng phần thừa kế là 123,85m^2 (một trăm hai mươi ba phảy tám mươi lăm) được đánh dấu là lô số 2 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất;

2.7. Bà Vũ Thị M được hưởng phần thừa kế là 135,11m^2 (một trăm ba mươi lăm phảy mười một) được đánh dấu lô số 6 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất.

2.8. Ông Vũ Hữu Th được hưởng phần thừa kế là 133,69m^2 (một trăm ba mươi ba phảy sáu mươi chín) được đánh dấu lô số 7 trong Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất.

Có Bản vẽ hiện trạng sử dụng đất kèm theo

2.9. Buộc bà Vũ Thị L phải thanh toán cho ông Vũ Hữu Ch và bà Trần Thị Nh số tiền 12.925.799đ (mười hai triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi chín đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Vũ Hữu Ch, bà Trần Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Vũ Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Vũ Hữu Ch phải chịu 38.730.000đ (ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị B và các con phải chịu 28.770.000đ (hai mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Vũ Thị M phải chịu 40.354.500đ (bốn mươi triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Vũ Thị M phải chịu 31.022.000đ (ba mươi mốt triệu, không trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Bùi Thị L và các con bà liền phải chịu 30.738.000đ (ba mươi triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. M tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Vũ Thị L.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.